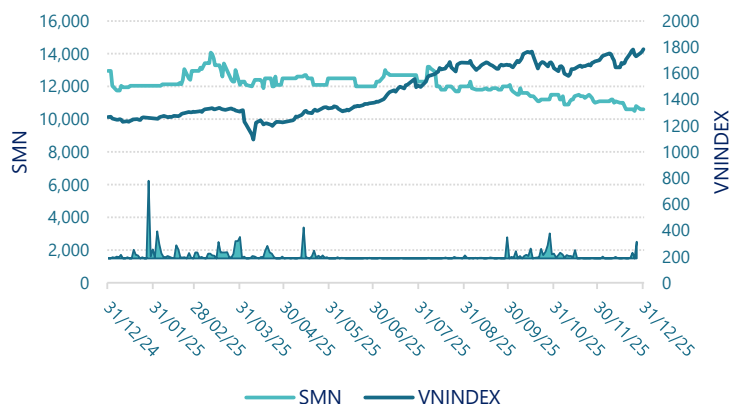


CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
SL cổ phiếu LH	4,405,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,335
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
P/E	13.4
EPS	789

DT thuần

Q4/25

27.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼92.6| -77.2%

YoY: ▼9.80| -26.4%

LN sau thuế

Q4/25

-2.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.85| -188%

YoY: ▼2.87| -479%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.4%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2025

333

tỷ VNĐ

YoY: ▼131| -28.2%

LN sau thuế

2025

3.48

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.77| -62.4%

ROE

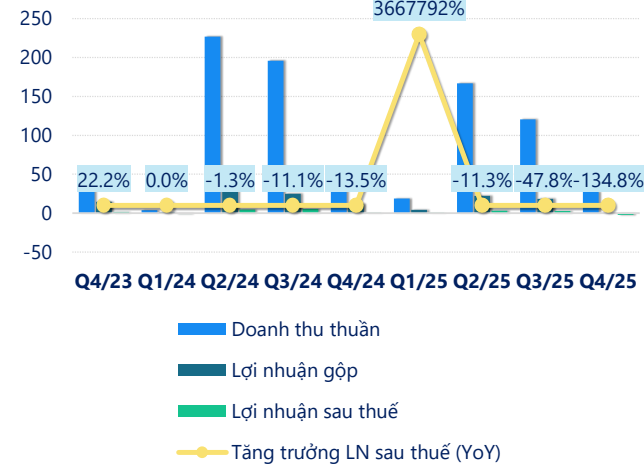
2025

4.4%

+/- YoY: ▼ 7.3%

tỷ VNĐ

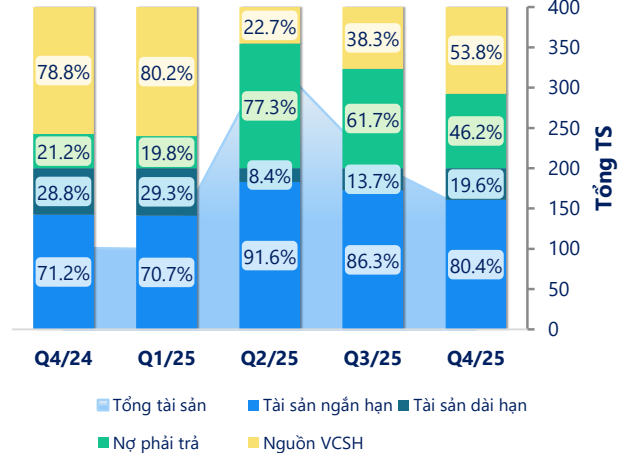
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

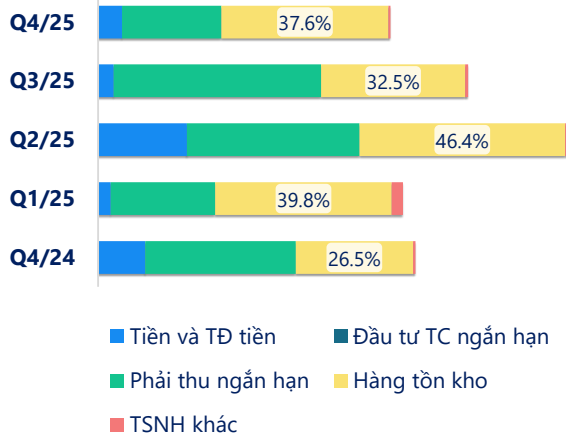
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



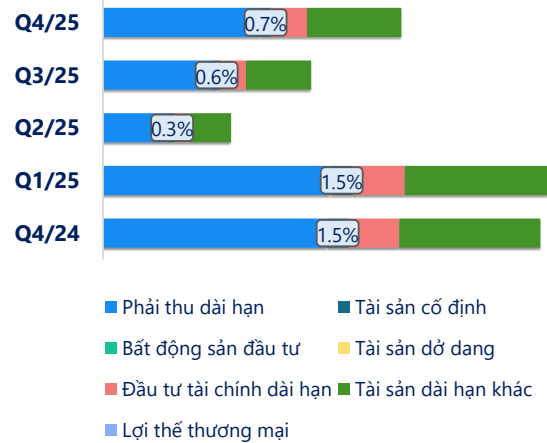
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

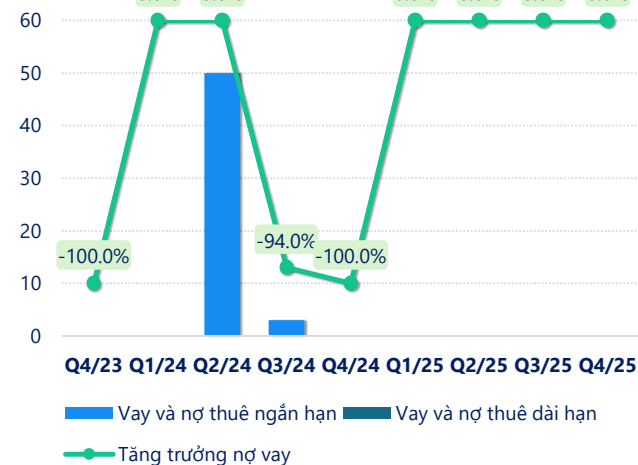
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

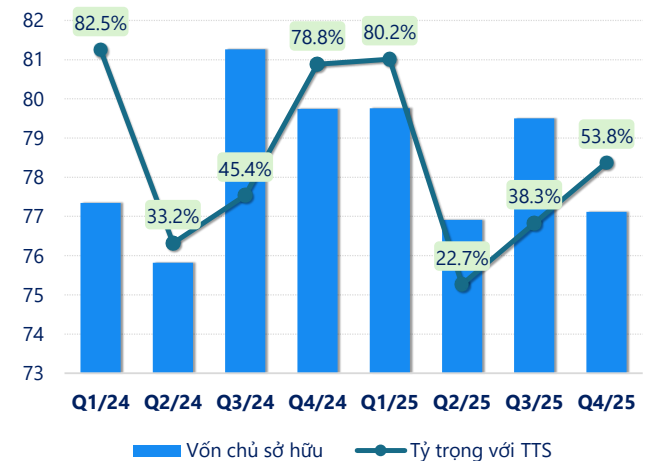
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

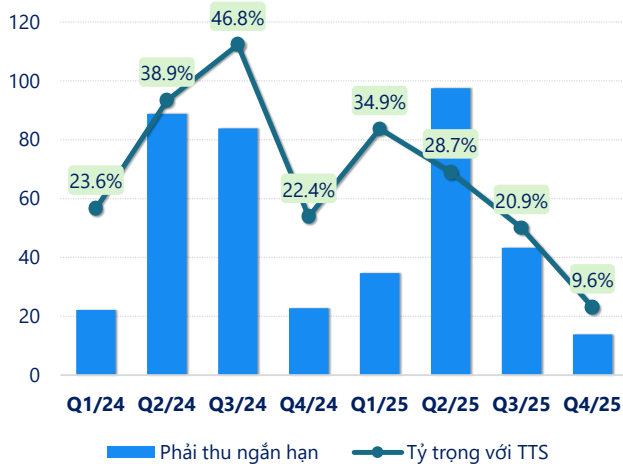
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



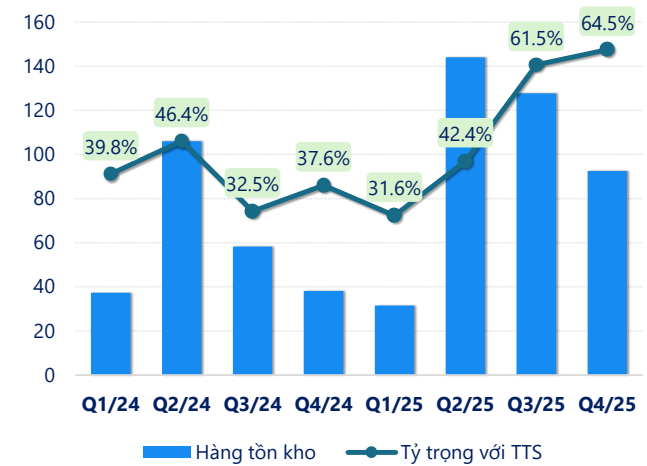
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


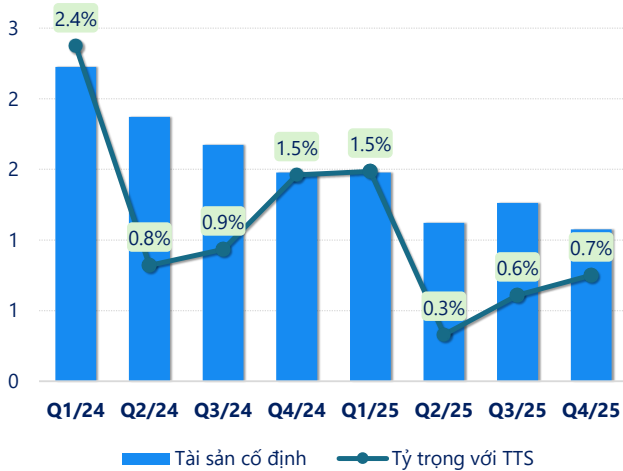
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


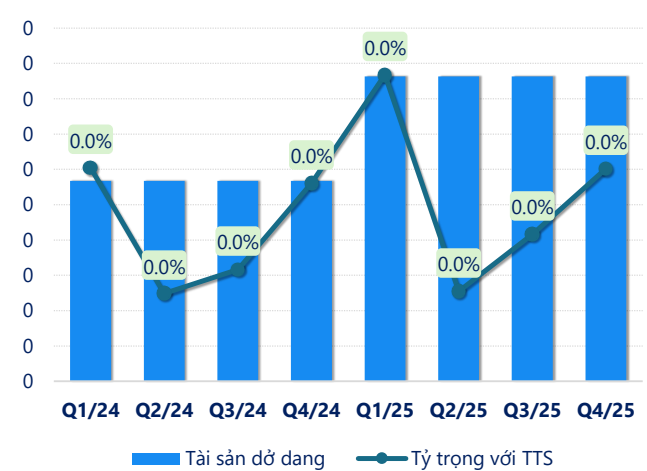
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

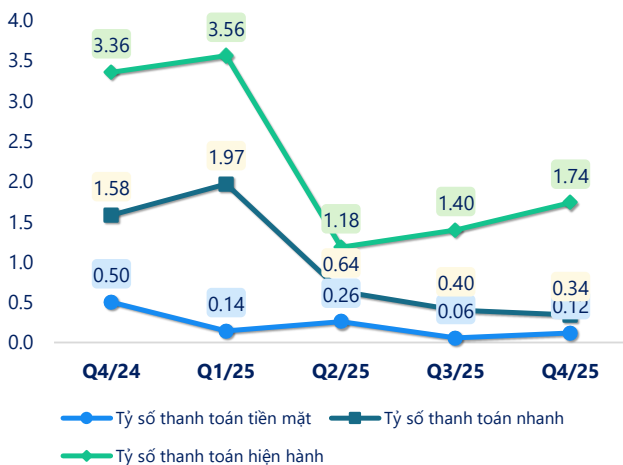
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

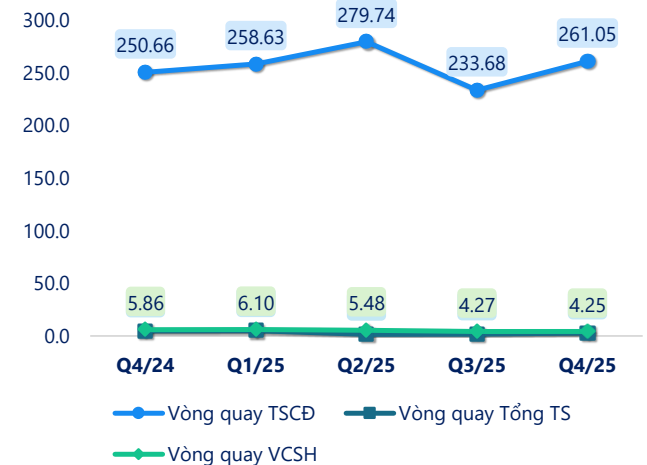
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	101	99.5	339	208	143
Tài sản ngắn hạn	72.1	70.4	311	179	115
Tiền và tương đương tiền	10.8	2.83	68.2	7.36	7.79
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	22.7	34.7	97.5	43.3	13.8
Hàng tồn kho	38.1	31.5	144	128	92.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	1.35	1.12	0.76	1.12
Tài sản dài hạn	29.1	29.1	28.6	28.4	28.2
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	14.9	14.9	14.8
Tài sản cố định	1.48	1.48	1.12	1.26	1.08
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.03	0.04	0.04	0.04	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	3.33	3.33	3.33	3.33	3.33
Tài sản dài hạn khác	9.40	9.40	9.25	8.92	8.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	21.5	19.7	263	128	66.3
Nợ ngắn hạn	21.5	19.7	263	128	66.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.4	14.0	252	113	60.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	79.7	79.8	76.9	79.5	77.1
Vốn chủ sở hữu	79.7	79.8	76.9	79.5	77.1
Vốn điều lệ	44.1	44.1	44.1	44.1	44.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)